



HAI MINH
CORPORATION
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17 Pearl Plaza- 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM, TP HCM

Điện thoại (028)35128668 Fax : (028)35128688

☎ * ☎

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2022

(MÃ CK : HMH)

TP.HCM, ngày 19 tháng 10 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		33,818,273,148	105,533,438,901
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6,332,181,382	61,642,966,364
1. Tiền	111		6,332,181,382	8,950,115,655
2. Các khoản tương đương tiền	112			52,692,850,709
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7,280,629,200	11,715,178,175
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	5,534,218,335	10,715,178,175
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(2,253,589,135)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	4,000,000,000	1,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19,785,045,952	31,180,107,027
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	3,131,585,676	5,948,833,419
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6,061,000	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4		15,448,937,920
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	16,647,399,276	9,782,335,688
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		208,732,905	659,682,213
1. Hàng tồn kho	141	V.7	208,732,905	659,682,213
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		211,683,709	335,505,122
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	196,327,230	335,505,122
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		15,356,479	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3 năm 2022

Quý 3 năm 2022

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		176,594,166,235	157,704,108,332
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	5,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b		5,000,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		22,792,198,485	24,947,582,145
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	22,287,626,567	24,432,522,590
- Nguyên giá	222		39,866,267,514	40,620,367,741
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17,578,640,947)	(16,187,845,151)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	504,571,918	515,059,555
- Nguyên giá	228		601,291,237	601,291,237
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(96,719,319)	(86,231,682)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		194,363,636	194,363,636
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		194,363,636	194,363,636
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		153,051,490,000	132,051,490,000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	132,051,490,000	132,051,490,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		21,000,000,000	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		556,114,114	505,672,551
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	556,114,114	505,672,551
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		210,412,439,383	263,237,547,233

Báo cáo này phải được đọc cùng với bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3 năm 2022

Quý 3 năm 2022

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		12,598,109,045	28,791,476,261
I. Nợ ngắn hạn	310		12,598,109,045	28,456,348,261
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	7,723,410,633	11,897,437,888
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		361,881,422	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	695,550,238	691,558,613
4. Phải trả người lao động	314	V.13	577,576,967	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		(15,222)	65,818,949
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a, c	1,466,838,558	14,291,635,581
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	271,279,833
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	1,772,866,449	1,238,617,397
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	335,128,000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b, c	-	335,128,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

118,
 3 T
 HÃ
 MIP
 1 TP.

Quý 3 năm 2022
Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		197,814,330,338	234,446,070,972
I. Vốn chủ sở hữu	410		197,814,330,338	234,446,070,972
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.16	131,998,470,000	131,998,470,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		131,998,470,000	131,998,470,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.16	5,893,984,271	5,893,984,271
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.16	(4,394,588,700)	(4,394,588,700)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.16	6,614,442,869	6,614,442,869
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.16	57,702,021,898	94,333,762,532
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		53,276,366,684	94,333,762,532
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		4,425,655,214	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		210,412,439,383	263,237,547,233



Đào Thế Hưng
Kế toán trưởng/Người lập



Đặng Ngọc Hùng
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày .. tháng 10 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Quý 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
(Dạng đầy đủ)
Quý 3 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3 năm 2022	Quý 3 năm 2021	9 tháng đầu năm 2022	9 tháng đầu năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	5,064,284,705	7,568,147,711	20,443,729,340	23,470,095,877
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		900,000		900,000	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		5,063,384,705	7,568,147,711	20,442,829,340	23,470,095,877
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	4,241,513,642	5,721,130,663	15,210,364,671	17,950,291,393
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		821,871,063	1,847,017,048	5,232,464,669	5,519,804,484
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1,999,187,481	2,015,363,535	4,943,413,689	8,421,744,544
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	50,799,700	41,356,588	2,505,443,688	637,200,146
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-		-	
8. Chi phí bán hàng	25		-		-	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	922,100,767	636,809,815	2,595,533,964	2,090,837,222
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1,848,158,077	3,184,214,180	5,074,900,706	11,213,511,660
11. Thu nhập khác	31		282,722,222		295,944,325	346,373,748

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2022 (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3 năm 2022	Quý 3 năm 2021	9 tháng đầu năm 2022	9 tháng đầu năm 2021
12. Chi phí khác	32		171,038,256	9,486,000	245,961,739	9,910,484
13. Lợi nhuận khác	40		111,683,966	(9,486,000)	49,982,586	336,463,264
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1,959,842,043	3,174,728,180	5,124,883,292	11,549,974,924
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12		634,945,636	699,228,077	2,299,994,585
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1,959,842,043	2,539,782,544	4,425,655,215	9,249,980,339
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6				
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.6				



TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 09 năm 2022

Đào Thế Hưng
Kế toán trưởng/Người lập

Đặng Ngọc Hùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

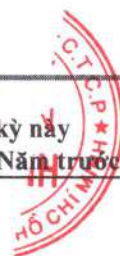
Quý 3 năm 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5,124,883,292	11,549,974,924
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10	1,985,711,243	2,069,270,052
- Các khoản dự phòng	03	V.2a	2,253,589,135	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(1,435,825,441)	(8,622,776,012)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		7,928,358,229	4,996,468,964
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		10,762,949,374	11,396,329,571
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		434,563,865	130,094,490
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(11,118,498,244)	9,003,094,617
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		59,194,909	2,139,891,593
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		5,180,959,840	(7,457,033,904)
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.12	(618,641,832)	(2,191,161,188)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		431,000,000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.15	(1,024,720,125)	(1,029,632,287)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12,035,166,016	16,988,051,856
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(2,115,606,357)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	4,573,832,597
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	3,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(21,000,000,000)	(7,606,370,602)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.3	4,204,643,935	8,663,356,825
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(16,795,356,065)	6,515,212,463

Quý 3 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(271,279,833)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.14a, 16	(50,279,315,100)	(12,873,386,865)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(50,550,594,933)	(12,873,386,865)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(55,310,784,982)	10,629,877,454
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	61,642,966,364	47,339,530,224
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	6,332,181,382	57,969,407,678



Đào Thế Hưng
Kế toán trưởng/Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày .. tháng .. năm 2022

Đặng Ngọc Hùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hải Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường sông, đường bộ; cho thuê kho bãi, văn phòng; đại lý tàu biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Tầng 3, tòa nhà Hải Minh, Km105 đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa	96,79%	96,79%	96,79%
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Tầng 3, tòa nhà Hải Minh, Km105 đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Tầng 3, tòa nhà Hải Minh, Km105 đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa	100,00%	100,00%	100,00%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 40 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 38 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

1:03
C
T
H.T.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu doanh nghiệp: giá trái phiếu đối với trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, đăng ký giao dịch là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán thì không thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đi động.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên liệu bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí sửa chữa tài sản và chi phí công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	43
Máy móc và thiết bị	5
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	6 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5
Tài sản cố định khác	10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình chỉ có quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 43 năm.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

14. Phân phối lợi nhuận

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

20. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay và các công cụ tài chính không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	180.564.936	30.311.542
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.151.616.446	7.889.038.113
Tiền đang chuyển	-	1.030.766.000
Các khoản tương đương tiền		52.692.850.709
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng		44.692.850.709
- Trái phiếu	-	8.000.000.000
Cộng	<u>6.332.181.382</u>	<u>61.642.966.364</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

2a. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh của Công ty chỉ có cổ phiếu, chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	2.705.684.425	1.449.500.000	(1.256.184.425)	2.705.684.425	2.320.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	2.827.784.435	1.830.500.000	(997.284.435)	3.389.100.750	2.844.040.500	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	749.475	629.200	(120.275)	1.447.789.000	1.447.976.700	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	-	-	-	1.372.055.000	1.356.000.000	-
Các cổ phiếu khác	-	-	-	1.800.549.000	2.075.000.000	-
Cộng	5.534.218.335	3.280.629.200	(2.253.589.135)	10.715.178.175	10.043.017.200	-

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	2.253.589.135	-
Số cuối kỳ	2.253.589.135	-

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Đông Sài Gòn, Ngân hàng Đầu Tư phát triển Việt Nam.

2c. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát ⁽ⁱ⁾	44.510.290.000	-	44.510.290.000	-
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh ⁽ⁱⁱ⁾	45.961.200.000	-	45.961.200.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	41.580.000.000	-	41.580.000.000	-
Cộng	132.051.490.000	-	132.051.490.000	-

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0202006749 đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 17 tháng 12 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát 44.510.290.000 VND, tương đương 96,79% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201242464 đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 11 tháng 4 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh 45.961.200.000 VND, tương đương 99,92% vốn điều lệ. Công ty nắm giữ 100% quyền biểu quyết vào Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh do nắm giữ thêm quyền biểu quyết gián tiếp 0,08% thông qua khoản đầu tư vào Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201624350 ngày 06 tháng 3 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh 41.580.000.000 VND, tương đương 99% vốn điều lệ. Công ty nắm giữ 100% quyền biểu quyết vào Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh do nắm giữ thêm quyền biểu quyết gián tiếp 1% thông qua khoản đầu tư vào Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh.

Giá trị hợp lý

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát		
Chi thường và các khoản phúc lợi	431.500.000	113.000.000
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh		
Nhờ chi hộ cổ tức	1.094.023.100	308.197.400
Chi thường và các khoản phúc lợi	223.500.000	68.500.000
Chi phí dịch vụ đã sử dụng	91.721.000	67.647.273
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh		
Chi thường và các khoản phúc lợi	198.000.000	66.500.000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Dịch vụ Tiếp vận Toàn Cầu	1.353.436.367	980.005.457
Công ty Cổ phần Tiếp vận Phước Tạo	344.765.453	539.425.907
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dịch vụ Kho bãi và Vận tải Thịnh Phát	21.224.815	1.061.605.700
Các khách hàng khác	1.410.341.604	3.367.796.355
Cộng	3.129.768.239	5.948.833.419

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhịp cầu Địa Ốc vay với lãi suất 8,5%/năm, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 21 tháng 11 năm 2018 và được gia hạn thanh toán đến ngày 21 tháng 11 năm 2022, kèm theo quyền mua các căn hộ tại số 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu bên liên quan	-	-	1.733.917.789	-
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh - lợi nhuận được chia	-	-	1.733.917.789	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	16.647.399.276	-	8.048.417.899	-
Tạm ứng	210.145.721	-	108.855.000	-
Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Minh Minh - cho vay	-	-	3.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Triều Dương - hợp tác đầu tư	-	-	2.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Trường Phát HD - hợp tác đầu tư	-	-	1.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	-	-	81.000.000	-
Lãi dự thu	931.702.672	-	1.568.308.847	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	15.505.550.883	-	290.254.052	-
Cộng	16.647.399.276	-	9.782.335.688	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Phải thu tiền ký quỹ thẻ taxi.

6. Nợ quá hạn

Công ty không có nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc không có khả năng thu hồi.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	208.732.905	-	605.862.213	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	53.820.000	-
Cộng	208.732.905	-	659.682.213	-

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	3.508.331
Chi phí bảo hiểm	12.532.066	210.794.695
Chi phí sửa chữa tài sản	54.423.135	24.284.350
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	129.372.029	96.917.746
Cộng	196.327.230	335.505.122

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa tài sản	328.554.157	384.948.105
Chi phí văn phòng	-	63.771.736
Các chi phí trả trước dài hạn khác	227.559.957	56.952.710
Cộng	556.114.114	505.672.551

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	14.505.410.057	182.000.000	25.006.442.384	172.415.073	754.100.227	40.620.367.741
Số cuối kỳ	14.505.410.057	182.000.000	25.006.442.384	172.415.073	754.100.227	40.620.367.741
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	1.183.909.091	172.415.073	-	1.356.324.164
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	2.080.233.166	118.366.653	13.270.107.469	172.415.073	546.722.790	16.187.845.151
Khấu hao trong kỳ	253.001.331	27.299.997	1.657.217.258	-	37.705.020	1.975.223.606

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số cuối kỳ	<u>2.333.234.497</u>	<u>145.666.650</u>	<u>14.927.324.727</u>	<u>172.415.073</u>	<u>584.427.810</u>	<u>18.163.068.757</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	<u>12.425.176.891</u>	<u>63.633.347</u>	<u>11.736.334.915</u>	-	<u>207.377.437</u>	<u>24.432.522.590</u>
Số cuối kỳ	<u>12.172.175.560</u>	<u>36.333.350</u>	<u>10.079.117.657</u>	-	<u>169.672.417</u>	<u>22.457.298.984</u>
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu năm	
Số cuối kỳ	<u>601.291.237</u>
Trong đó:	<u>601.291.237</u>
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	
Khấu hao trong kỳ	86.231.682
Số cuối kỳ	<u>10.487.637</u>
	<u>96.719.319</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	
Số cuối kỳ	<u>515.059.555</u>
Trong đó:	<u>504.571.918</u>
Tạm thời không sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan		<u>94.559.254</u>
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh		94.559.254
Phải trả các nhà cung cấp khác	<u>7.723.410.633</u>	<u>11.802.878.634</u>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn	3.486.564.197	3.007.886.318
Samudera Shipping Line Ltd.	2.967.527.668	6.723.458.355
Các nhà cung cấp khác	1.269.318.768	2.071.533.961
Cộng	<u>7.723.410.633</u>	<u>11.897.437.888</u>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	53.225.543	376.754.080	(379.935.992)	50.043.631
Thuế thu nhập doanh nghiệp	533.998.805	699.228.077	(618.641.832)	614.585.050
Thuế thu nhập cá nhân	509.769.250	2.208.516.162	(1.702.688.655)	3.941.743

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT nhà thầu	51.258.468	365.758.479	(390.037.133)	26.979.814
Thuế thu nhập doanh nghiệp nhà thầu	47.567.047	327.013.806	(389.937.332)	(15.356.479)
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	1.195.819.113	4.262.233.814	(4.774.859.168)	680.193.759

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng hoa hồng đại lý cho hãng tàu là 0%, các dịch vụ khác là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

14. Phải trả khác**14a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	266.619.300	293.131.146
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh - phải trả khoản phúc lợi cho nhân viên	117.497.800	-
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát - phải trả khoản phúc lợi cho nhân viên	118.310.750	293.131.146
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh - phải trả khoản phúc lợi cho nhân viên	30.810.750	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	872.460.332	13.998.504.435
Kinh phí công đoàn	10.036.720	100.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	3.298.606	-
Cổ tức phải trả	53.191.065	12.879.046.965
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	805.933.941	1.119.357.470
Cộng	1.139.079.632	14.291.635.581

14b. Phải trả dài hạn khác

Khoản nhận ký quỹ thuế văn phòng.

14c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có khoản nợ quá hạn chưa thanh toán.

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ phúc lợi	979.027.420	1.677.303.232	(1.475.715.467)	1.180.615.185
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	259.589.977	838.151.616	(505.490.329)	592.251.264
Cộng	1.238.617.397	2.515.454.848	(1.981.205.796)	1.772.866.449

16. Vốn chủ sở hữu**16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh	24.288.000.000	-
Ông Trần Quang Tiến	13.885.050.000	-
Ông Vũ Đức Tuấn	10.000.000.000	-
Bà Phạm Thị Thu Thủy	-	6.800.000.000
Các cổ đông khác	83.825.420.000	125.198.470.000
Cộng	131.998.470.000	131.998.470.000

16c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.200.000	13.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.199.847	13.199.847
- Cổ phiếu phổ thông	13.199.847	13.199.847
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	352.200	352.200
- Cổ phiếu phổ thông	352.200	352.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.847.647	12.847.647
- Cổ phiếu phổ thông	12.847.647	12.847.647
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

16d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 01-2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 38.542.941.000
• Trích quỹ phúc lợi	: 1.676.303.232
• Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	: 838.151.616

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ**Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền của Công ty bao gồm 13.861,12 USD (số đầu năm là 11.148,2 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải	9.153.202.777	10.785.509.071
Doanh thu đại lý dầu (hàng hóa)	989.584.490	3.171.768.028
Doanh thu dịch vụ đại lý container	8.844.701.127	8.454.403.320
Doanh thu cho thuê văn phòng	1.455.340.946	1.058.415.468
Cộng	20.442.829.340	23.470.095.887

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ vận tải	9.672.643.731	10.016.482.211
Giá vốn đại lý dầu (hàng hóa)	996.214.227	3.018.627.519
Giá vốn dịch vụ đại lý container	3.971.190.814	4.343.709.072
Giá vốn cho thuê văn phòng	570.315.899	556.438.068
Cộng	15.210.364.671	17.935.256.870

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	1.435.825.441	2.479.592.552
Lãi kinh doanh chứng khoán	629.159.000	4.936.801.058
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	109.610.753	150.739.739
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.768.818.494	869.218.664
Cộng	4.943.413.688	8.436.352.013

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ kinh doanh chứng khoán	103.997.331	565.015.341
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	147.857.222	71.021.401
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	2.253.589.135	-
Cộng	2.505.443.688	636.036.742

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.109.231.111	1.283.999.363
Chi phí vật liệu quản lý	101.236.875	49.725.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	47.356.798	37.850.656
Chi phí khấu hao tài sản cố định	127.388.304	127.388.304
Chi phí dịch vụ mua ngoài	688.701.769	480.002.048
Các chi phí khác	521.619.107	111.871.851
Cộng	2.595.533.964	2.090.837.222

6. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2022.

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.680.864.117	2.240.917.777
Chi phí nhân công	4.191.288.391	5.946.718.918
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.858.322.939	2.069.270.052
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.718.661.162	9.582.990.995
Chi phí khác	1.761.228.032	201.230.873
Cộng	15.210.364.671	20.041.128.615

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng cho thuê hoạt động như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	464.681.810	1.658.636.364
Trên 1 năm đến 5 năm	1.455.340.946	543.636.364
Cộng	1.920.022.756	2.202.272.727

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Thành viên Hội đồng quản trị</i>		
Ông Trần Quang Tiến - cổ tức	4.165.515.000	-
Ông Phùng Văn Quang - cổ tức	1.013.712.000	-
Ông Phùng Tuấn Anh - cổ tức	306.210.000	-
Ông Trần Đoàn Viện - cổ tức	215.424.000	-
Ông Vũ Đức Tuấn - cổ tức	3.000.000.000	-
Ông Nguyễn Thế Quân - cổ tức	1.580.154.000	-
<i>Ban Tổng Giám đốc</i>		
Ông Đặng Ngọc Hùng - cổ tức	91.140.000	-
Ông Nguyễn Thế Hưng - cổ tức	450.285.000	-
<i>Ban kiểm soát</i>		
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - cổ tức	772.605.000	-
Ông Triệu Đình Trung - cổ tức	211.425.000	-
<i>Cá nhân có liên quan với thành viên quản lý chủ chốt</i>		
Bà Vũ Thị Ngọc Ánh - cổ tức	30.300.000	-

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.14a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>VND</u>
Kỳ này	
Ông Phùng Văn Quang - Chủ tịch Hội đồng quản trị	183.200.000
Ông Đặng Ngọc Hùng - Tổng Giám đốc	394.900.000
Ông Nguyễn Thế Hưng - Tổng Giám đốc	143.333.332
Cộng	<u>721.433.332</u>
Kỳ trước	
Ông Phùng Văn Quang - Chủ tịch Hội đồng quản trị	498.000.000
Ông Nguyễn Thế Hưng - Tổng Giám đốc	393.600.000
Ông Đặng Ngọc Hùng - Phó Tổng Giám đốc	310.350.000
Cộng	<u>1.201.950.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Công ty con
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Công ty con
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Công ty con
Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh	Cổ đông nắm giữ 18,40% vốn điều lệ và là công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty chỉ phát sinh giao dịch chia cổ tức cho Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh số tiền 7.286.400.000 VND.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.5a, V.11 và V.14a.

3. **Quản lý rủi ro tài chính**

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

3b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty có phát sinh khoản phải trả nhà cung cấp và phải thu khách hàng liên quan dịch vụ đại lý container với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Nợ phải trả thuần có gốc USD của Công ty như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.861,12	11.148,20
Phải trả người bán	(65.147,84)	(468.458,85)
Nợ phải trả thuần	<u>(51.286,72)</u>	<u>(457.310,65)</u>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 3.280.629.200 VND (số đầu năm là 10.043.017.200 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

3d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 09 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Đào Thế Hưng
Kế toán trưởng/Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 10 năm 2022



Đặng Ngọc Hùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

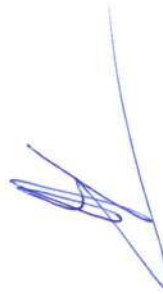
Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2022

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.614.442.869	96.858.754.602	236.971.063.042
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	6.710.197.795	6.710.197.795
Trích lập các quỹ trong kỳ trước	-	-	-	-	(2.498.485.851)	(2.498.485.851)
Số dư cuối kỳ trước	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.614.442.869	101.070.466.546	241.182.774.986
Số dư đầu năm nay	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.614.442.869	94.333.762.532	234.446.070.972
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	4.425.655.215	4.425.655.215
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	-	-	(2.514.454.848)	(2.514.454.848)
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	-	-	(38.542.941.000)	(38.542.941.000)
Số dư cuối kỳ này	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.614.442.869	57.702.021.899	197.814.330.339



Đào Thế Hưng
Kế toán trưởng/Người lập



TP. Hồ Chí Minh, ngày .. tháng 10 năm 2022

Đặng Ngọc Hùng
Tổng Giám đốc